

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh hạng chức danh nghề nghiệp, mã số ngạch viên chức và trình độ chuyên môn tại Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Quảng Trách**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non; Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập; Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập;

Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Thực hiện Công văn số 1753/SNV-CBCCVC ngày 23/12/2019 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định kế hoạch tuyển dụng đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện Quảng Trách năm 2019; Công văn số 1771/SNV-CBCCVC ngày 24/12/2019 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh Công văn số 1753/SNV-CBCCVC ngày 23/12/2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh hạng chức danh nghề nghiệp, mã số ngạch viên chức và trình độ chuyên môn tại Biểu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 3039/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND huyện Quảng Trách về việc ban hành Kế hoạch xét tuyển đặc cách viên chức sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm 2019. (Có Biểu chi tiết đính kèm)



**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Nội vụ; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ ( đề B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND và UBND huyện; (đăng Website);
- Phòng Nội vụ (Niêm yết);
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NV.

*th*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

*lu*  
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Hoàng Anh*

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH



**BIỂU TỔNG HỢP**

**ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP  
TUYỂN DỤNG ĐẶC CÁCH VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 43 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I</b>	<b>KHỐI MẦM NON</b>								
1	MN-01	GVMN hạng IV; Mã số: V.07.02.06	1	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Đông	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
2	MN-02		1		MN Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên	
3	MN-02	GVMN hạng III; Mã số: V.07.02.05	3		MN Quảng Châu	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
4	MN-03	GVMN hạng IV; Mã số: V.07.02.06	1		MN Quảng Tùng	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
5	MN-04	GVMN hạng III; Mã số: V.07.02.05	3		MN Cảnh Dương	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
6	MN-05		1		MN Quảng Hưng		B trở lên	Anh B trở lên	
7	MN-06	GVMN hạng IV; Mã số: V.07.02.06	2		MN Quảng Xuân	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
8	MN-07	GVMN hạng II; Mã số: V.07.02.04	1		MN Quảng Thanh	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
9	MN-08		1		MN Quảng Phương		B trở lên	Anh B trở lên	
10	MN-09	GVMN hạng IV; Mã số: V.07.02.06	2		MN Quảng Lưu	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	

TT	Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
11	MN-10	GVMN hạng III; Mã số: V.07.02.05	2	Giáo viên Mầm non	MN Quảng Tùng	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
12	MN-11		1		MN Quảng Trường		B trở lên	Anh B trở lên	
13	MN-12	GVMN hạng IV; Mã số: V.07.02.06	1		MN Quảng Trường	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
<b>Cộng I</b>			<b>20</b>						

<b>II KHỎI TIỂU HỌC</b>										
1	TH-01	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	1	Giáo viên 9 môn	TH số 1 Quảng Phú	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên		
2	TH-01		2		TH số 1 Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên		
3	TH-02		2		TH số 2 Quảng Phú		B trở lên	Anh B trở lên		
4	TH-03		1		TH Quảng Kim		B trở lên	Anh B trở lên		
5	TH-04		2		TH số 1 Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên		
6	TH-05		1		TH Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên		
7	TH-05	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	1		TH Quảng Tùng		Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
8	TH-06		GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.07		3	TH Cảnh Dương	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
9	TH-07				2	TH số 2 Quảng Xuân	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
10	TH-08				2	TH Quảng Thanh	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
11	TH-09				1	TH Quảng Phương A		B trở lên	Anh B trở lên	
12	TH-10				2	TH Quảng Phương B		B trở lên	Anh B trở lên	
13	TH-11				2	TH và THCS Quảng Trường		B trở lên	Anh B trở lên	

TT	Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
14	TH-12	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	1	Giáo viên 9 môn	TH số 1 Quảng Châu	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
15	TH-13		1		TH Quảng Thanh		B trở lên	Anh B trở lên	
16	TH-14	GVTH hạng IV; Mã số: V.07.03.09	1	Giáo viên 9 môn	TH Quảng Lưu	Tốt nghiệp Trung cấp trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Tiểu học hoặc Giáo dục Tiểu học.	B trở lên	Anh B trở lên	
17	TH-15	GVTH hạng II; Mã số: V.07.03.07	1	Giáo viên Thẻ dực	TH số 1 Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên các chuyên ngành: Giáo dục thể chất; Giáo dục thể chất-Quốc phòng; Thẻ dực; Thẻ dực thể thao.	B trở lên	Anh B trở lên	
18	TH-16		1		TH số 1 Quảng Châu		B trở lên	Anh B trở lên	
19	TH-17		1		TH Quảng Tùng		B trở lên	Anh B trở lên	
20	TH-18	GVTH hạng III; Mã số: V.07.03.08	1	Giáo viên Tổng phụ trách Đội	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Cao đẳng Công tác xã hội trở lên, có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm; Chứng chỉ Đoàn - Hội - Đội.	B trở lên	Anh B trở lên	
21	TH-19	GVMN hạng II; Mã số: V.07.02.04	2	Giáo viên Mầm non	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Đại học trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
22	TH-20	GVMN hạng III; Mã số: V.07.02.05	1	Giáo viên Mầm non	TTGD trẻ khuyết tật	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên các chuyên ngành: Sư phạm Mầm non hoặc Giáo dục Mầm non.	B trở lên	Anh B trở lên	
<b>Cộng II</b>			<b>32</b>						
<b>III</b>	<b>KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ</b>								
1	CS-01	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Toán học	THCS Quảng Đông	Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Toán học trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
2	CS-02	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1		THCS Quảng Kim	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Toán học trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
3	CS-03	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1		THCS Cảnh Dương	Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Toán - Lý trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
4	CS-04	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1		THCS Quảng Hưng	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Toán học trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
5	CS-05		1		THCS Quảng Liên		B trở lên	Anh B trở lên	

h

TT	Mã số dự tuyển	Hạng chức danh nghề nghiệp - Mã số ngạch viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng đặc cách		Trình độ chuyên môn, điều kiện, tiêu chuẩn theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển			Ghi chú
				Chức danh	Đơn vị	Trình độ chuyên môn	Tin học	Ngoại ngữ	
6	CS-06	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1	Giáo viên Toán học	THCS Phù Hóa	Tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Toán học trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
7	CS-07	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Ngữ văn	THCS Quảng Phú	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Ngữ văn trở lên hoặc Đại học Văn học trở lên có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
8	CS-08		1		THCS Cảnh Dương		B trở lên	Anh B trở lên	
9	CS-09		1		THCS Quảng Xuân		B trở lên	Anh B trở lên	
10	CS-10		1		THCS Quảng Thạch		B trở lên	Anh B trở lên	
11	CS-11	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Sinh học	THCS Quảng Tùng	Tốt nghiệp Đại học sư phạm Sinh học trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
12	CS-12	GVTHCS hạng III; Mã số: V.07.04.12	1		THCS Quảng Liên	Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Sinh học trở lên.	B trở lên	Anh B trở lên	
13	CS-13	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Quảng Lưu	Tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tiếng Anh trở lên hoặc Đại học Tiếng Anh trở lên có Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.	B trở lên	Anh B trở lên	
14	CS-14	GVTHCS hạng II; Mã số: V.07.04.11	1	Giáo viên Thể dục	TH và THCS Quảng Trường	Tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên các chuyên ngành: Thể chất - Giáo dục quốc phòng; Giáo dục thể chất; Thể dục thể thao.	B trở lên	Anh B trở lên	
<b>Cộng III</b>			<b>14</b>						
<b>Tổng cộng (I+II+III)</b>			<b>66</b>	<b>vị trí</b>					